

Số: /BC - UBND

Xín Mần, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Thực trạng cây trồng trên địa bàn huyện và đề xuất Chuyển đổi cây ngô sang cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn” giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 80/KH – UBND, ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc xây dựng Đề án “Chuyển đổi cây ngô sang cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn” giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND huyện Xín Mần báo cáo thực trạng cây trồng trên địa bàn huyện và đề xuất Chuyển đổi cây ngô sang cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn” giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030, như sau:

I. Đánh giá thực trạng

1. Thực trạng phát triển cây ngô trên địa bàn huyện năm 2012 – 2022

- *Thực trạng về diện tích đất trồng ngô qua các năm, cụ thể:* Năm 2012 là 5.155 ha; năm 2014 là 5.225 ha; năm 2016 là 5.561 ha; năm 2018 là 5.561 ha; năm 2020 cho tới nay diện tích ngô là 5.613 ha, năng suất ngô có thay đổi tăng dần theo các năm từ 0,2 – 0,3 tạ/ha.

- *Cơ cấu giống:* LVN 885, Biosed, NK4300, NK66, NK6101, NK7328, CP989, CP888, CP999, GS9989, AG59, LVN885, MX6, còn lại giống ngô thuần như giống Q2 và giống địa phương.

(Có biểu 01 chi tiết thực trạng cây ngô kèm theo).

- Nhận xét:

+ Diện tích đất trồng ngô qua các năm có thay đổi, cụ thể: năm 2012 đến 2014 diện tích đất ngô tăng lên 70ha, năm 2014 đến 2016 diện tích ngô tăng 336 ha; năm 2018 đến 2020 tăng là 52ha. Lý do tăng diện tích là do có chính sách hỗ trợ đất sản xuất theo Quyết định số 755 của Thủ Tướng Chính Phủ, người dân khai phá thêm ruộng, nương, để tăng ra sản xuất.

+ Từ năm 2020 đến nay, diện tích đất trồng ngô đã ổn định là 5.613 ha, *(diện tích trồng ngô tăng giảm không đáng kể).*

+ Sản lượng của ngô có biến động và tăng dần qua các năm cụ thể năm 2012 sản lượng ngô 15.465 tấn, năm 2014 đạt 18.799.3 tấn, năm 2016 đạt 17.467.6 tấn, năm 2018 đạt 17.761.8 tấn, năm 2020 đạt 18.247.2 tấn; năm 2022 đạt 20.465 tấn, năng suất tăng dần do người dân thâm canh và chuyển đổi dần các giống ngô lai năng suất cao thay thế dần giống ngô địa phương. Cụ thể: năm 2012 diện tích

ngô lai chiếm 60%, từ năm 2014 đến 2019 diện tích ngô lai chiếm khoảng 70% trong tổng diện tích đất trồng ngô, từ năm 2020 đến nay diện tích đất trồng ngô lai chiếm từ 75- 80%, còn lại là ngô thuần giống Q2, ngô nếp...sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ cho chăn nuôi và bán ra thị trường khoảng 40%, giá cả ngô hạt giao động khoảng 7 – 10 nghìn đồng/kg.

2. Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ ngô sang cây trồng khác đã thực hiện

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây ngô sang trồng cỏ phát triển chăn nuôi: Thực hiện Nghị Quyết 209/2015/NQ - HĐND, ngày 10/12/2015 về việc ban hành chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Giang, từ đất ngô thu hoạch thấp sang trồng cỏ phát triển chăn nuôi trâu, bò vỗ béo 01 ha cỏ tại xã Trung Thịnh.

- Chuyển đổi đất ngô sang trồng cây ăn quả ôn đới:

+ Năm 2018, tại thị trấn Cốc Pài chuyển đổi đất nương ngô sang trồng lê và mận là 2 ha, hiện nay cây mận và lê sinh trưởng phát triển tốt đang cho bó quả, hàng năm trên diện tích đất trồng lê, mận các hộ đã thực hiện trồng xen ngô và cho thu hoạch 32 tạ/ha.

+ Năm 2019, tại xã Trung Thịnh diện tích đất 01 ha ngô, từ trồng cỏ chuyển sang phát triển trồng cây lê (Do tình hình dịch bệnh Covid – 19 xảy ra nên giá cả trâu, bò giảm), hiện nay đang ra hoa, bó quả, cây sinh trưởng phát triển tốt; 3 năm đầu diện tích đất trồng cây ăn quả các hộ gia đình trồng xen ngô lấy ngắn nuôi dài.

+ Năm 2020, chuyển đổi đất nương ngô sang trồng cây mận, lê, 26 ha (*tại xã Tả Nhù là 10 ha, Xín Mần 4 ha, thị trấn Cốc Pài 7 ha, Nàn Ma 5 ha*). hiện nay cây sinh trưởng phát triển tốt, đang cho bó quả; 3 năm đầu các hộ gia đình thực hiện trồng xen ngô năng suất cho thu hoạch đạt 32 tạ/ha.

- Chuyển đổi sang trồng cây chuối tiêu xanh Nam Mỹ xuất khẩu: Thực hiện thực hiện từ năm 2020 đến năm 2021, với diện tích 36.94 ha, tại xã Bản Ngò, năng suất bình quân đạt 15 tấn/ha; sản lượng trong hai năm đạt 765,65 tấn quả chuối tiêu xanh, giá thu mua từ 3.000 – 5.000đ/kg; tổng số tiền thu được là: 2,735 tỷ đồng; bình quân 1 ha chuối trừ đi chi phí đầu tư còn lãi từ 30 – 40 triệu đồng/ha; các năm tiếp theo do tình hình dịch bệnh Covid – 19, thị trường Trung Quốc đóng cửa không có đầu ra sản phẩm, vì thế các hộ dân lại chuyển đổi sang trồng ngô lai và cây ăn quả có giá trị khác.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây ngô sang trồng cây dược liệu: Từ năm 2018 đến nay, thực hiện chuyển đổi đất trồng ngô sang trồng cây mướp đắng rừng (Hợp tác xã Sông Chảy bao tiêu sản phẩm) với tổng diện tích đã thực hiện qua các năm là 8,5 ha, sản lượng thu được 317.300 kg quả mướp đắng rừng thương phẩm, giá thu mua 20.000đ/kg, giá trị thu được 6,346 tỷ triệu đồng.

- Thực hiện chuyển đổi đất trồng ngô sang trồng rau theo chuỗi liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: Nhằm mở rộng phát triển chuỗi liên kết bao tiêu sản phẩm trên địa bàn huyện, giúp bà con áp dụng được khoa học kỹ thuật mới vào

sản xuất thay đổi dần tập quán canh tác manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, có đầu ra ổn định, tăng nguồn thu nhập gấp 2 -3 lần so với trồng ngô; chương trình liên kết đã góp phần làm tăng thêm giá trị trên một đơn vị diện tích, đảm bảo theo Kế hoạch tỉnh giao 55,61 triệu đồng/ha năm 2023, tạo thêm việc làm trên 700 lao động nông thôn, ổn định đời sống xã hội, nâng cao thu nhập. Các dự án liên kết đều phát huy hiệu quả tiềm năng thế mạnh của điều kiện với tiềm năng thế mạnh của địa phương, bước đầu đã mang lại thu nhập cho người nông dân như dự án liên kết trồng củ cải và được người dân đồng tình ủng hộ.

+ Năm 2022: Tổng diện tích chuyển đổi là 15,3 ha

Liên kết bao tiêu sản phẩm với công ty Vietnam Misaki: 3 ha gừng trâu tại thôn Suôi Thầu thị trấn Cốc Pài (*năng suất ước đạt 20tấn/ha, sản lượng 60 tấn, thu mua giá 7.000 đồng/kg, giá trị thu được 420 triệu đồng/ha*); 5 ha củ cải tại xã Xín Mần (*năng suất ước đạt 29 tấn/ha, sản lượng thu được 146 tấn, giá thu mua 2.000đ/kg, giá trị thu được 292 triệu đồng*); 3.000 m² dưa chuột tại thôn Tân Sơn xã Tả Nhìu (*năng suất đạt 40 tấn/ha, sản lượng 13,5 tấn, giá trị thu được trên 100 triệu đồng/ha*);

Liên kết bao tiêu sản phẩm với công ty cổ phần nông nghiệp tốt - Phú Thọ: 07 ha rau hữu cơ tại xã Xín Mần, xã Nàn Ma (*giá bán 9.000đ/kg, một số diện tích đã cho thu hoạch với sản lượng trên 10 tấn, giá trị thu được 90 triệu đồng*).

+ Năm 2023: Tổng diện tích chuyển đổi là 48 ha

Liên kết với công ty TNHH Vietnam Misaki chuyển đổi từ đất trồng ngô sang trồng rau củ 38 ha: 8 ha Củ tại xã Xín Mần, xã Nàn Ma; 10 ha củ kiệu tại xã Nàn Ma, Tả Nhìu và TT Cốc Pài; 20 ha Gừng trâu tại xã Nàn Ma, Cốc Pài;

Liên kết với Tổng công ty Gia Long trồng 10 ha dong riềng tại 3 xã (Thèn Phàng, Bản Ngò và Tả Nhìu).

II. Đề xuất Chuyển đổi cây ngô sang cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn” giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030

1. **Giai đoạn 2023 – 2025:** Diện tích đề xuất chuyển đổi là 1.300 ha/18 xã thị trấn, cụ thể:

- Năm 2023 dự kiến chuyển đổi 152 ha:

+ Cây gừng: 20 ha, tại xã Nàn Ma và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây lê xanh: 5 ha tại xã Thèn Phàng, Chế Là.

+ Cây mận: 40 ha tại các xã Nàn Ma, Thèn Phàng, Nám Dẩn, Bản Ngò, Tả Nhìu và thị trấn Cốc Pài, Trung Thịnh

+ Cây dược liệu: 20 ha, tại xã Chí Cà, Nám Dẩn, Chế Là, Nàn Ma, Tả Nhìu

+ Rau hữu cơ: 55 ha, tại các xã Nàn Ma, Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Khuôn Lùng, Nà Chì và thị trấn Cốc Pài.

+ Chè shantuyet: 2 ha tại các xã Chế Là, Nà Chì, Cốc Rế.

+ Cây hồng: 10 ha tại xã Chí Cà.

- Năm 2024 dự kiến chuyển đổi 270 ha.

+ Cây gừng: 30 ha tại xã Nàn Ma và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây lê: 40 ha tại xã Thèn Phàng, Xín Mần, Nàn Xín, Chí Cà, Bản Dú, Chế Là, Trung Thịnh.

+ Cây mận: 50 ha tại các xã Nàn Ma, Thèn Phàng, Nám Dẩn, Bản Ngò, Tả Nhìu và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây dược liệu: 50 ha tại xã Nàn Ma, Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Nám Dẩn, Bản Ngò, Pà Vây Sủ, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Thu Tà, Chế Là, Nà Chì.

+ Rau hữu cơ: 55 ha, tại các xã Nàn Ma, Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên, Nà Chì và thị trấn Cốc Pài.

+ Chè shantuyet: 20 ha: tại các xã Tả Nhìu, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Chế Là, Nà Chì, Cốc Rế.

+ Cây hồng: 25 ha tại xã Thèn Phàng, Chí Cà, Nàn Xín, Pà Vây Sủ.

- Năm 2025, dự kiến chuyển đổi 315 ha

+ Cây gừng: 45 ha, tại xã Nàn Ma và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây mận: 40 ha tại các xã Nàn Ma, Thèn Phàng, Nám Dẩn, Bản Ngò, Tả Nhìu và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây dược liệu: 100 ha tại xã Nàn Ma, Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Nám Dẩn, Bản Ngò, Pà Vây Sủ, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Thu Tà, Chế Là, Nà Chì.

+ Rau hữu cơ: 65 ha, tại các xã Nàn Ma, Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên, Cốc Rế và thị trấn Cốc Pài.

+ Chè shantuyet 40 ha: tại các xã Tả Nhìu, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Chế Là, Nà Chì, Cốc Rế.

+ Cây hồng: 25 ha tại xã Thèn Phàng, Chí Cà, Nàn Xín, Pà Vây Sủ.

2. Định hướng đến năm 2030, dự kiến chuyển đổi 563 ha

+ Cây gừng: 45 ha, tại xã Nàn Ma và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây lê: 5 ha tại xã Thèn Phàng

+ Cây mận: 70 ha tại các xã Thèn Phàng, Nám Dẩn, Bản Ngò, Tả Nhìu và thị trấn Cốc Pài.

+ Cây dược liệu: 260 ha tại xã Xín Mần, Thèn Phàng, Nàn Xín, Chí Cà, Nám Dẩn, Bản Ngò, Pà Vầy Sủ, Quảng Nguyên, Tả Nhìu, Cốc Rế, Khuôn Lùng, Thu Tà, Chế Là, Nà Chì.

+ Rau hữu cơ: 25 ha, tại các xã Xín Mần, Chí Cà, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng.

+ Chè shantuyet 118 ha: tại các xã Tả Nhìu, Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Chế Là, Nà Chì, Cốc Rế.

+ Cây hồng: 40 ha tại xã Thèn Phàng, Chí Cà, Pà vầy Sủ.

(Có biểu chi tiết các xã kèm theo)

III. Đánh giá chung

- Ưu điểm:

Việc chuyển đổi đất trồng ngô kém hiệu quả sang phát triển chăn nuôi và trồng trọt, giúp nâng cao nhận thức cho bà con, tiếp cận được khoa học kỹ thuật mới, thay thế dần lối canh tác lạc hậu, phát triển vùng trồng tập trung hàng hóa, có quy mô, giảm chi phí nhân công, có đầu ra ổn định.

- Khó khăn, hạn chế:

Tình hình dịch bệnh Covid 19, thiên tai, ảnh hưởng biến đổi khí hậu dẫn đến thị trường tiêu thụ nông sản bấp bênh, đầu ra không ổn định, một số người dân chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật vào sản xuất, dẫn đến mẫu mã sản phẩm chưa đạt theo yêu cầu. Phát triển vùng nguyên liệu tập chung, quy mô lớn còn ít.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Đề xuất diện tích ngô địa phương sang trồng cây có giá trị kinh tế cao, gắn với du lịch và liên kết bao tiêu sản phẩm 1.300 ha

(có phụ lục kèm theo)

- Đề nghị UBND tỉnh có cơ chế, chính sách hỗ trợ 100% giống, vật tư phân bón chuyển đổi cây ngô sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn thông qua các dự án liên kết.

- Đề nghị tỉnh hỗ trợ các mô hình thí điểm, các dự án phát triển sản xuất và ưu tiên kinh phí để thực hiện Đề án có hiệu quả.

Ủy ban nhân huyện Xín Mần trân trọng báo cáo/.

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT;
- TTr - UBND huyện;
- Các cơ quan QLNN;
- LĐCVVP (Q.Anh, Bình);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Tăng

**BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT NGÔ
KÈM HIỆU QUẢ SANG CÂY TRỒNG CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO HƠN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Xin Mần)

TT	Địa điểm		Diện tích đất ngô đề xuất chuyển đổi (ha)	Đối tượng cây trồng đề xuất chuyển đổi	Thời gian đề xuất thực hiện (năm)
	Tên xã, thị trấn	Tên thôn			
	Tổng cộng		1.300.00		
	cộng		140	Cây gừng	
1	Thị trấn Cốc Pài	Súng sảng	10	Cây gừng	Năm 2024
		Suôi Thầu	10		Năm 2023
		Suôi thầu	10		Năm 2025
		Na Pan	15		Năm 2025
		Suôi thầu	10		Năm 2030
		Na Pan	10		Năm 2030
2	Xã Nàn Ma	Na Chí Trái	10	Cây gừng	Năm 2023
		Nàn Ma	10		Năm 2024
		Na Chí Trái	10		Năm 2024
		Lùng Sán	20		Năm 2025
		Nàn Ma	25		Năm 2030
	Cộng		50		
3	Xin Mần	Xin Mần	10	Cây Lê	Năm 2024
	Thần Phàng	Lúng Cháng	5		Năm 2023
		Lúng Cháng	5		Năm 2030
		Lúng Cháng	5		Năm 2024
	Nàn Xin	Ma Di Vàng	5		Năm 2024
	Chí Cà	Chí Cà Thượng	10		Năm 2024
	Bản Díu	Chúng Trái	10		Năm 2024

	Cộng		200		
4	Nàn Ma	Nàn Ma	10	Cây mận máu, mận tam hoa	Năm 2023
		Lùng Vai	10		Năm 2024
	Nám Dẫn	Thống Nhất	5		Năm 2024
		Na Chăn	5		Năm 2025
		Lùng Mỏ	10		Năm 2030
	Cốc pài	Suôi Thầu	10		Năm 2023
		Suôi Thầu	10		Năm 2024
		Na Pan	10		Năm 2025
		Na Pan	15		Năm 2030
	Thèn Phàng	Chúng Trãi	5		Năm 2024
		Na Sai	5		Năm 2025
		Khâu Táo	20		Năm 2030
	Bản Ngò	Xín Trãi	10		Năm 2030
		Đán Khao	10		Năm 2023
		Xín Trãi	10		Năm 2024
		Đán Khao	10		Năm 2025
	Tả Nhìu	Vai Lũng	10		Năm 2023
		Năm Pé	10		Năm 2024
		Thảm Giá	10		Năm 2025
		Na Hu	15		Năm 2030
	Cộng		100		
5	Chí Cà	Chí Cà Thượng	5	Trồng cây hồng	Năm 2023
		Chí Cà Hạ	5		Năm 2024
		Xóm Mới	5		Năm 2025
		Chí Cà Thượng	15		Năm 2030
6	Nàn Xin	Xín Chải	5	Năm 2024	
		Ma Di Vàng	5	Năm 2025	

7	Pà Vây Sủ	Tả Lử Thận	5	Rau hữu cơ, HACCP (củ cải, kiệu, bắp cải, súp lơ, cải thảo, cà chua, cai canh, su su, rau ngót..)	Năm 2024	
		Seo Lử Thận	5		Năm 2025	
		Ma Lý Sán	15		Năm 2030	
8	Thèn Phàng	Lũng Cháng	5		Năm 2023	
		Quán Thèn	10		Năm 2024	
		Na Sai	10		Năm 2025	
		Khâu Tinh	10		Năm 2030	
Cộng			200			
9	Nàn Ma	Nàn Ma	10		Năm 2023	
		Nàn Ma	10		Năm 2024	
		La Chí Trãi	10		Năm 2025	
10	Xín Mần	Xín Mần	10		Năm 2023	
		Xín Mần	5		Năm 2024	
		Xín Mần	10		Năm 2025	
		Xín Mần	10		Năm 2030	
11	TT Cốc Pài	Suôi Thầu	10	Năm 2023		
		Suôi Thầu	10	Năm 2024		
		Suôi Thầu	10	Năm 2025		
12	Chí Cà	Chí cà Hạ	5	Năm 2023		
		Chí cà Hạ	5	Năm 2024		
		Chí cà Hạ	5	Năm 2025		
		Chí cà Hạ	5	Năm 2030		
13	Nàn Xỉn	Chúng Trãi	5	Năm 2023		
		Chúng Trãi	5	Năm 2024		
		Chúng Trãi	5	Năm 2025		
14	Quảng Nguyên	Quảng Hạ	5	Năm 2024		
		Quảng Hạ	5	Năm 2025		
		Quảng Hạ	10	Năm 2030		
15	Khuôn Lùng	Xuân Hòa	5	Năm 2023		

		Xuân Hòa	5		Năm 2024
		Xuân Hòa	5		Năm 2025
		Xuân Hòa	5		Năm 2030
16	Nà Chì	Nà Chì	5		Năm 2023
		Nà Chì	5		Năm 2024
17	Thèn Phàng	Khâu Táo	5		Năm 2023
		Khâu Táo	5		Năm 2024
		Khâu Táo	10		Năm 2025
	Cộng		180		
	Chế Là	Cốc Độ	5	Cây chè shan tuyết	Năm 2024
		Đản Điêng	5		Năm 2025
		Cốc Cộ	18		Năm 2030
	Cốc Ré	Cốc Đông	5		Năm 2024
		Sung Lắm	5		Năm 2025
		Chang Khâu	15		Năm 2030
	Tả Nhùi	Na Lan	5		Năm 2025
		Đoàn Kết	10		Năm 2030
21	Nà Chì	Nà Chì	2		Năm 2023
		Khâu Lầu	5		Năm 2024
		Tân Sơn	10	Năm 2025	
		Bản Vẽ	25	Năm 2030	
22	Quảng Nguyên	Tân Sơn	5	Năm 2024	
		Khâu Rom	10	Năm 2025	
		Trung Thành	30	Năm 2030	
	Khuôn Lùng	Phiêng Lang	5	Năm 2025	
		Nà ràng	20	Năm 2030	
	Cộng		430		
24	Nàn Ma	Nàn Ma	5	Trồng cây dược liệu	Năm 2024
		Vai Lũng	10		Năm 2025

25	Xín Mần	Lao Pờ	5	Năm 2024
		Xín Mần	10	Năm 2025
		Xín Mần	20	Năm 2030
26	TT Cốc Pài	Na Pan	10	Năm 2030
		Suôi Thầu	10	Năm 2025
	Chí Cà	Chí Cà Thượng	5	Năm 2024
		Hồ Mù Chải	5	Năm 2025
		Hồ Mù Chải	20	Năm 2030
28	Nàn Xín	Ma Di Vàng	5	Năm 2023
		Péo Suối Ngài	5	Năm 2024
		Suôi Thầu	5	Năm 2025
		Péo Suối Ngài	25	Năm 2030
29	Quảng Nguyên	Nậm Choong	5	Năm 2024
		Khâu Rom	5	Năm 2025
		Quảng Hạ	20	Năm 2030
30	Khuôn Lùng	Làng Thượng	5	Năm 2023
		Trung Thành	5	Năm 2025
		Phiêng Lang	15	Năm 2030
	Nà Chì	Bản Bó	5	Năm 2025
		Nậm Khương	15	Năm 2030
	Thèn Phàng	Xín Thèn	5	Năm 2025
		Xín Thèn	20	Năm 2030
33	Pà Vây Sủ	Ma lý Sán	5	Năm 2024
		Seo Lử Thận	10	Năm 2025
		Tả Lử Thận	30	Năm 2030
34	Thu Tà	Nàng Cút	5	Năm 2024
		Ngài Thầu	5	Năm 2025
		Sán Chải	15	Năm 2030

35	Bản Ngò	Xin Chải	5	Năm 2024
		Trù Trái	5	Năm 2025
		Đán Khao	10	Năm 2030
36	Ché Là	Cốc Cam	5	Năm 2023
		Xin Khâu	5	Năm 2024
		Gì Thàng	5	Năm 2025
		Cùm Phing	25	Năm 2030
37	Năm Dẫn	Thống nhất	5	Năm 2023
		Ngam Lâm	5	Năm 2024
		Đoàn Kết	20	Năm 2025
		Lùng Mở	30	Năm 2030

